Phụ lục 94
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT LẦN ĐẦU TỈNH AN GIANG
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
XÃ LONG ĐIỀN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở

Sửa đổi, bổ sung nội dung tại số thứ tự 1,7,10,18, 11,14,15,24,25,26,27,29,32,33,35,36,37,36,46,47,48,49,50 Phụ lục 94 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL94 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG**			
1	1	Quốc lộ 80 B (Đường tỉnh 942)		
		Từ cầu cột dây thép - Ban chỉ huy phòng thủ khu vực (Thuộc QL 80B)	1.980	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ cầu cột dây thép - Ban chỉ huy phòng thủ khu vực)
		Từ hết THCS Võ Ánh Đăng - ranh xã chợ Mới (Thuộc QL 80B)	1.980	Sửa tên đường (Tên cũ: Hết trường THCS Võ Ánh Đằng - ranh xã chợ Mới)
2	7	Châu Văn Liêm		
		Ngã ba lộ Vòng cung ấp Thị 2 - Mũi Tàu ấp Thị 1	5.700	Sửa tên đường (Tên cũ: Lộ Vòng cung - Mũi Tàu)
		Mũi Tàu ấp Thị 1 - cầu (Mỹ Luông - Tấn Mỹ)	3.600	Sửa tên đường (Tên cũ: Mũi Tàu - cầu (Mỹ Luông - Tấn Mỹ))

TT	Số TT PL94 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
		Cầu (Mỹ Luông - Tấn Mỹ) đến đường Quốc lộ 80B (Ngã ba lộ vòng cung ấp Mỹ Tân - hướng Mỹ An)	1.700	Sửa tên đường (Tên cũ: Cầu (Mỹ Luông - Tấn Mỹ) đến đường tỉnh 942 mới (lộ vòng cung - hướng Mỹ An))
3	10	Ung Văn Khiêm (Đường Châu Văn Liêm - Đường QL 80B)	2.700	Sửa tên đường (Tên cũ: Ung Văn Khiêm (Đường Châu Văn Liêm - Đường tỉnh 942 (mới)))
4	11	Hương lộ 1		
		Đường Châu Văn Liêm - Quốc lộ 80B	3.240	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường Châu Văn Liêm - lộ Vòng Cung mới)
		Ngã tư Quốc lộ 80B - Cây Xăng Phong Phượng	1.190	Sửa tên đường (Tên cũ: Ngã tư Đường tỉnh 942 (mới) - Cây Xăng Phong Phượng)
5	14	Trần Hưng Đạo (Hai Bà Trưng - kênh Chà Và)	2.210	Sửa tên đường (Tên cũ: Trần Hưng Đạo (Phố Dọc - kênh Chà Và))
6	15	Đường Nguyễn Văn Hưởng		
		- Cầu (Mỹ Luông - Tấn Mỹ) - Đường Quốc lộ 80B	1.360	Sửa tên đường (Tên cũ: Nguyễn Văn Hưởng (Cầu (Mỹ Luông - Tấn Mỹ) - Đường tỉnh 942 (mới)))
	25	- Đường Quốc lộ 80 B - Kênh 77	510	Sửa tên đường (Tên cũ: Nguyễn Văn Hưởng (Đường tỉnh 942 (mới) - Kênh 77))

TT	Số TT PL94 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
7	18	Nguyễn Quang Sáng (Đường Châu Văn Liêm - Quốc lộ 80B)	2.210	Sửa tên đường (Tên cũ: Nguyễn Quang Sáng (Đường Châu Văn Liêm - Đường tỉnh 942 mới))
8	24	Đường kênh Mương Chùa (Đường Quốc lộ 80B - ranh Long Kiến)	510	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường kênh Mương Chùa (Đường tỉnh 942 cũ - ranh Long Kiến))
9	26	Nguyễn Thanh Sơn (Đường Lương Văn Cù - Đường Quốc lộ 80B)	850	Sửa tên đường (Tên cũ: Nguyễn Thanh Sơn (Đường Lương Văn Cù - Đường tỉnh 942 mới))
10	27	Đường cặp Phòng khám khu vực (Đường Quốc lộ 80B - Kênh Chìm)	680	Sửa tên đường (Tên cũ: đường cặp Phòng khám khu vực (Đường tỉnh 942 mới (Quốc lộ 80B)- Kênh Chìm))
11	29	Đường nhựa kênh Trà thôn (Ngã 3 cầu Chợ Thủ - Ngã 3 đường tỉnh 946)	578	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường nhựa kênh Trà thôn (Ngã 3 cầu Chợ Thủ - ranh xã Long Điền B))
12	32	Đường Kênh Hòa Bình (Đường Quốc lộ 80B - Kênh Xáng AB)	413	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường Kênh Hòa Bình (Đường tỉnh 942 (Quốc lộ 80B)- Kênh Xáng AB))
13	33	Đường Kênh Mương Ông Cha (Đường Quốc lộ 80 B- Kênh Đòn Dong)	413	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường Kênh Mương Ông Cha (Đường tỉnh 942 (Quốc lộ 80 B)- Kênh Đòn Dong))

TT	Số TT PL94 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
14	35	Đường Bờ Đông Kênh Quản Bền (đường nhựa) (Đường Quốc lộ 80B - Kênh Xáng AB)	413	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường Bờ Đông Kênh Quản Bền (đường nhựa) (Đường tỉnh 942 (Quốc lộ 80B) - Kênh Xáng AB))
15	36	Đường Kênh Tập Đoàn 12 (Từ đường Quốc lộ 80 B - kênh Đòn Dong)	413	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường Kênh Tập Đoàn 12 (Từ đường tỉnh 942 (Quốc lộ 80 B) - kênh Đòn Dong))
16	37	Đường cộ Nhà Thờ (Từ đường Quốc lộ 80 B - kênh Đòn Dong)	413	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường cộ Nhà Thờ (Từ đường tỉnh 942 (Quốc lộ 80 B) - kênh Đòn Dong))
17	46	Lương Văn Cù (Đường Châu Văn Liêm - Đường Quốc lộ 80B)	850	Sửa tên đường (Tên cũ: Lương Văn Cù (Đường Châu Văn Liêm - Đường tỉnh 942 mới)
18	48	Các tuyến đường khác có độ rộng đường ≥ 3m	560	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường >=3m được trải bê tông hoặc nhựa)
19	49	Các tuyến đường khác có độ rộng đường < 3m	440	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường <3m được trải bê tông hoặc nhựa)
II	**HỦY BỎ**			
1	47	Các khu vực còn lại	320	Huỷ bỏ
2	50	Các tuyến đường còn lại	370	Huỷ bỏ

B. ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL94 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG**			
1	II	Ấp Long Bình, Long Định, Long Hòa 1, Long Hòa 2, Long Thuận 1, Long Thuận 2 (tiếp giáp QL 80B)		Sửa tên đường (Tên cũ: Ấp Long Bình, Long Định, Long Hòa 1, Long Hòa 2, Long Thuận 1, Long Thuận 2)
a	1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
		Tiếp giáp đường quốc lộ 80B	116	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp đường tỉnh);
b	2	Đất trồng cây lâu năm		
		Khu vực còn lại	60	
2	III	Ấp Long Phú 1, Long Phú 2, Long Qưới 1, Long Qưới 2, Long Tân, Long Thành, Long Thuận		
a	1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
		Tiếp giáp Quốc lộ 80B và đường tỉnh	102	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp đường tỉnh);

TT	Số TT PL94 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
b	2	Đất trồng cây lâu năm		
		Tiếp giáp Quốc lộ 80B và đường tỉnh	120	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp đường tỉnh);
II	**BỔ SUNG**			
1	II	Ấp Long Bình, Long Định, Long Hòa 1, Long Hòa 2, Long Thuận 1, Long Thuận 2 (tiếp giáp QL 80B)		
a	1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
		Khu vực còn lại	52	Bổ sung
2	III	Ấp Long Phú 1, Long Phú 2, Long Qưới 1, Long Qưới 2, Long Tân, Long Thành, Long Thuận		
a	1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
		Khu vực còn lại	44	Bổ sung